

**CÔNG KHAI**  
**KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**  
*(Theo điều 9, Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)*

- 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học**
- **Kế hoạch Tuyển sinh:** Số 10/KH-THNTH ngày 13/6/2025 *(Có file đính kèm).*
  - **Kế hoạch giáo dục:** Số 11/KHGDNT-THNTH ngày 12/9/2024 *(Có file đính kèm).*
  - **Quy chế phối hợp giữa nhà trường và PHHS:** Số 04/QC-THNTH-CMHS ngày 15/10/2023 *(Có file đính kèm).*
  - **Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại trường:** Kế hoạch số 35/KH-THNTH ngày 25 tháng 9 năm 2025 chỉ đạo hoạt động giáo dục Ngoài giờ lên lớp năm học 2024-2025 *(Có file đính kèm);* Chương trình số 01/CT-LĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Liên đội trường tiểu học Nguyễn Thượng Hiền về Chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2024-2025 *(Có file đính kèm)*
  - **Thực đơn hàng tuần của học sinh bán trú:** Công khai trên trang Website từ tuần 1-35 *(Có file đính kèm).*

**2. Thông tin về kết quả giáo dục của năm học trước**  
**\* Kết quả tuyển sinh**

| Tuyển mới lớp 1 | Số lớp | Số HS | HS nữ | Trong đó                       |                             |                                |                             |                  | Số trẻ có GCN HTCT MN 5 tuổi |
|-----------------|--------|-------|-------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------|------------------------------|
|                 |        |       |       | Đúng tuyển                     |                             | Trái tuyển                     |                             |                  |                              |
|                 |        |       |       | Đăng ký thường trú tại Quận NQ | Đăng ký tạm trú tại Quận NQ | Đăng ký thường Trú tại Quận NQ | Đăng ký tạm trú tại Quận NQ | Quận, huyện khác |                              |
| Đã tuyển        | 7      | 242   | 114   | 110                            | 16                          | 67                             | 22                          | 27               | 230                          |

+ Bình quân 34,6 HS/lớp (lớp có sĩ số cao nhất: 40 HS; lớp có sĩ số thấp nhất: 30 HS).

**\* Quy mô trường lớp**

| Khối               | Số lớp    | Số HS       | Nữ         | 2 buổi/ngày |             |             | Bán trú   |             | Bình quân HS/lớp | HS khuyết tật |
|--------------------|-----------|-------------|------------|-------------|-------------|-------------|-----------|-------------|------------------|---------------|
|                    |           |             |            | Lớp         | HS          | %           | Lớp       | HS          |                  |               |
| 1                  | 7         | 242         | 119        | 7           | 242         | 100%        | 7         | 220         | 35               | 0             |
| 2                  | 7         | 259         | 131        | 7           | 259         | 100%        | 7         | 200         | 37               | 0             |
| 3                  | 7         | 283         | 134        | 7           | 283         | 100%        | 7         | 267         | 40               | 0             |
| 4                  | 7         | 283         | 128        | 7           | 283         | 100%        | 7         | 203         | 40               | 0             |
| 5                  | 7         | 275         | 116        | 7           | 275         | 100%        | 7         | 249         | 39               | 0             |
| <b>Toàn trường</b> | <b>35</b> | <b>1344</b> | <b>628</b> | <b>35</b>   | <b>1344</b> | <b>100%</b> | <b>35</b> | <b>1144</b> | <b>38</b>        | <b>0</b>      |

+ Số học sinh chuyển đến hè 2024: 12

+ Số học sinh chuyển đi hè 2024: 16

**\* Kết quả đánh giá học sinh (Có file đính kèm).**

- Số lượng học sinh được công nhận HTCTTH: 275 em (có Danh sách đính kèm)

**Nơi nhận:**

- Trang TTĐT (CM công khai);
- Lưu: Hồ sơ công khai

**HIỆU TRƯỞNG****Trần Nguyên Lâm**